

Lý luận về bạo lực của Ph.Ăngghen với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ở Việt Nam hiện nay

26/11/2024

TS. Chử Văn Tuyên

Khoa Kinh tế – Luật, Trường Đại học Thành Đô

TS. Vũ Văn Long

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

(Quanlynhanuoc.vn) – Kinh tế, quân sự, quốc phòng, an ninh là những hiện tượng, quá trình lịch sử, xã hội, luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau; trong đó, kinh tế quyết định sức mạnh quân sự, sức mạnh quốc phòng, an ninh; sức mạnh quân sự – quốc phòng, an ninh tác động trở lại kinh tế theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực. Nhận thức vấn đề có tính quy luật trên để vận dụng vào quản lý nhà nước trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng – an ninh theo tư tưởng: “Quốc phú binh cường, nội yên ngoại tĩnh” là thực sự cần thiết hiện nay. Bài viết nghiên cứu lý luận về bạo lực của Ph.Ăngghen với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Bạo lực, quân đội, quân sự, kinh tế quân sự, quốc phòng – an ninh, chiến tranh.

1. Đặt vấn đề

Ph.Ăng-ghen (1820 – 1895), lãnh tụ cách mạng, nhà lý luận quân sự thiên tài của giai cấp vô sản. Trong di sản lý luận khoa học mà ông để lại cho giai cấp vô sản nói riêng và nhân loại nói chung những vấn đề về kinh tế – chính trị, kinh tế – quân sự; về bạo lực, về quân đội và chiến tranh... luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đó là cơ sở lý luận để giai cấp vô sản – sau khi giành được chính quyền, tổ chức xây dựng quân đội, phát triển tiềm lực kinh tế, kinh tế quân sự, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ đường lối phát triển kinh tế, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, chúng ta cần nghiên cứu, nhận thức đầy đủ, sâu sắc những quan điểm, tư tưởng của Ph. Ăng-ghen về bạo lực, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh ở Việt Nam hiện nay.

2. Lý luận của Ph. Ăng-ghen về bạo lực

Những quan điểm, tư tưởng về quân sự; về mối quan hệ giữa kinh tế với chiến tranh và quân đội, được Ph. Ăng-ghen trình bày tập trung, có tính hệ thống và toàn diện nhất ở các chương II, III, IV/Phần thứ hai trong “Chống Duy-Rinh” (tên gọi khác: “Ông Oighen Duy-rinh đảo lộn khoa học”) – một tác phẩm kinh điển được ông viết từ tháng 5/1876 – 7/1878.

Phê phán những quan điểm duy tâm – phản động, phản khoa học, của Oi. Duy-rinh: chế độ chính trị là nguyên nhân quyết định tình hình kinh tế; tình hình kinh tế phải

- thích ứng với chế độ chính trị; con người phải chinh phục con người trước khi chinh phục tự nhiên, Ph. Ăng-ghen đã khẳng định: bạo lực phụ thuộc vào kinh tế. Theo Ph. Ăng-ghen, bạo lực là quân đội và hạm đội. Như vậy, bạo lực là công cụ, phương tiện; là hình thức thể hiện quyền lực và sức mạnh chính trị, sức mạnh quân sự; là cách thức thực hiện mục tiêu chính trị của nhà nước. Trong mối quan hệ với kinh tế, bạo lực phụ thuộc vào kinh tế. Sự phụ thuộc đó trước hết được thể hiện: trong xã hội còn đối kháng về lợi ích thì bạo lực là phương tiện nhằm thực hiện mục đích kinh tế. Ph. Ăng-ghen cho rằng: “bạo lực chỉ là phương tiện, còn lợi ích kinh tế, trái lại, là mục đích. Và, chừng nào mà mục đích là cơ bản hơn phương tiện dùng để đạt tới mục đích, thì chừng đó, trong lịch sử, mặt kinh tế của mối quan hệ lại cơ bản hơn về mặt chính trị”¹.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, xung đột vũ trang giữa các thị tộc, bộ lạc cuối chế độ cộng sản nguyên thủy, đầu chế độ chiếm hữu nô lệ, đều có chung mục đích là nhằm chiếm đoạt các sản phẩm dư thừa, bắt tù binh về làm nô lệ (các cuộc xung đột vũ trang đó chưa phải là những cuộc chiến tranh theo đúng nghĩa chiến tranh, là sự kế tục của chính trị bằng thủ đoạn bạo lực). Đến chế độ phong kiến và tư bản chủ nghĩa, các cuộc thập tự chinh thời trung cổ; cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918), Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945), đều phản ánh mục đích của chiến tranh là vì lợi ích của giai cấp địa chủ quý tộc và bản chất kinh tế, bản chất chính trị của các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa. Hiện tại, các nhà nước tăng cường sức mạnh chính trị, quân sự, thực hiện liên minh quân sự song phương hoặc đa phương giữa các quốc gia; tiến hành các cuộc chiến tranh cục bộ, quy mô và phạm vi giới hạn dưới chiêu bài “bảo vệ nhân quyền”, “chống khủng bố quốc tế”, “vì lợi ích sống còn của quốc gia”... nhìn chung và xét đến cùng đều xuất phát từ nguyên nhân kinh tế và đều vì mục tiêu kinh tế.

Sự phụ thuộc của bạo lực vào kinh tế (có nghĩa là kinh tế quyết định sức mạnh chính trị, quân sự; quyết định tính chất, quy mô, kết cục của chiến tranh) được biểu hiện thông qua việc kinh tế bảo đảm cung cấp vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự cho quân đội, cho lực lượng vũ trang tiến hành các hoạt động quân sự và chiến tranh. Theo Ph. Ăng-ghen: “Bạo lực không thể làm ra tiền được, mà nhiều lắm cũng chỉ có thể chiếm đoạt số đã làm ra thôi”². Kinh tế quyết định đến sức mạnh quân sự và chiến tranh còn được biểu hiện là sự phát triển của kinh tế (trình độ phát triển của lực lượng sản xuất) trực tiếp tác động đến biên chế tổ chức và phương thức tác chiến của quân đội, của lực lượng vũ trang. Ph. Ăng-ghen đã chứng minh, sự thành bại của một cuộc chiến tranh do kinh tế quyết định “Vào đầu thế kỷ XIV, thuốc súng đã chuyển từ tay người Ả-rập sang người Tây Âu và ai nấy đều biết là nó đã làm đảo lộn toàn bộ công việc quân sự. Nhưng việc đem dùng thuốc súng và súng hoàn toàn không phải là một hành vi bạo lực mà là một tiến bộ về công nghiệp, do đó là một tiến bộ về kinh tế”³, “toàn bộ tổ chức và phương thức chiến đấu của quân đội và do đó là, thắng lợi và thất bại, đều tỏ ra là phụ thuộc vào những điều kiện vật chất, nghĩa là điều kiện kinh tế”⁴.

Phản bác các quan điểm của Oi Đuy-rinh rằng: bạo lực đẻ ra kinh tế, con người muốn chinh phục tự nhiên thì trước hết con người phải thống trị con người, Ph. Ăng-ghen cho rằng, bạo lực – các công cụ bảo vệ quyền lực chính trị của nhà nước, ra đời và tồn

- tại trong những điều kiện nhất định của nền sản xuất xã hội. Bạo lực có nguồn gốc từ kinh tế và phụ thuộc vào kinh tế. Hay có thể diễn đạt theo một cách khác: tình trạng kinh tế (trình độ phát triển của lực lượng sản xuất) và chế độ kinh tế (bản chất của các quan hệ sản xuất) quyết định sự ra đời, tồn tại; quyết định chức năng, quy mô và tính chất của bạo lực nói chung. Ph.Ăngghen viết: “Ngay từ đầu trong mỗi công xã đó đều có một lợi ích chung nào đó mà người ta phải trao cho những cá nhân gìn giữ... Dĩ nhiên là những cá nhân ấy có một sự toàn quyền nào đó và tiêu biểu cho những mầm mống của quyền lực nhà nước”⁵; “Đến một mức độ khá già nào đó, sự phân công lao động tự phát trong gia đình làm nghề nông cho phép sử dụng thêm một hay nhiều sức lao động của người ngoài... chiến tranh đã cung cấp sức lao động đó”⁶.

Khẳng định bạo lực phụ thuộc vào kinh tế, nhưng Ph. Ăngghen cũng chỉ rõ, bạo lực có tác động trở lại đối với kinh tế. Luận giải sự tác động trở lại của bạo lực đối với kinh tế, Ph. Ăngghen cho rằng: bạo lực là hiện tượng lịch sử – xã hội, ra đời, tồn tại trong những điều kiện nhất định của nền sản xuất xã hội. Bạo lực có thể tác động trở lại kinh tế theo hai chiều hướng: Hoặc là tác động tích cực – tác động cùng chiều (hợp quy luật) với sự vận động của nền kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển làm cho “giữa quyền lực chính trị và sự phát triển kinh tế không có một sự xung đột nào”⁷. Hoặc là tác động tiêu cực – không cùng chiều với sự phát triển kinh tế. Khi đó bạo lực sẽ “tàn phá hay làm mất đi những lực lượng sản xuất mà chúng không biết dùng để làm gì”⁸.

3. Vận dụng vào nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, củng cố tăng cường quốc phòng, an ninh ở Việt Nam hiện nay

Vận dụng những quan điểm, tư tưởng của Ph. Ăngghen về bạo lực, về kinh tế quân sự vào thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội, tăng cường sức mạnh quân sự, quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý nhà nước cần tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, huy động tối đa và sử dụng tối ưu các nguồn lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân.

Sức mạnh quân sự của một quốc gia phụ thuộc trực tiếp vào tiềm lực quân sự; tiềm lực quân sự lại được quy định bởi tiềm lực kinh tế, tiềm lực chính trị tinh thần và tiềm lực khoa học – công nghệ. Trong đó, tiềm lực kinh tế chi phối các tiềm lực khác và giữ vai trò quyết định quá trình hiện đại hóa quân đội cũng như lực lượng vũ trang nói chung. Tiềm lực kinh tế của một quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng trước hết và cơ bản nhất là phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Đối với Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân là vấn đề có tính quy luật. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa có mối quan hệ nhân – quả với quá trình xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hoàn thiện cơ cấu, thể chế kinh tế mới. Một nền kinh tế có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao; cơ cấu và thể chế kinh tế hợp lý, hiệu quả... là những tiền đề tốt nhất, hiện thực nhất cho phát triển tiềm lực kinh tế và tiềm lực kinh tế quân sự của đất nước.

- Huy động tối đa và sử dụng tối ưu các nguồn nhân tài, vật lực (cả nội lực và ngoại lực theo hướng nội lực hóa ngoại lực, hiện đại hóa nội lực) để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện tích lũy tái sản xuất mở rộng (chủ yếu theo chiều sâu); không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Thực hiện tốt chủ trương Đại hội XIII của Đảng: “Xây dựng, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh hiện đại, lưỡng dụng, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế – xã hội...”⁹.

Thứ hai, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sức mạnh quân sự của một quốc gia và khả năng giành thắng lợi cho một cuộc chiến tranh – nhất là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, không chỉ phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (tình trạng kinh tế) mà còn phụ thuộc rất lớn vào bản chất của quan hệ sản xuất (chế độ kinh tế) của quốc gia đó. Nền kinh tế dựa trên quan hệ sản xuất tiên tiến – cùng với đó là một chế độ xã hội ưu việt, là điều kiện không thể thiếu để xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần bền vững để chuyển hóa sức mạnh kinh tế, tiềm lực khoa học – công nghệ thành sức mạnh quân sự và quốc phòng, an ninh một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Đó là khả năng huy động tối đa các nguồn lực của nền kinh tế quốc dân phục vụ nhiệm vụ gìn giữ hòa bình, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ; chuẩn bị và tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa...

Việt Nam đang xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng cơ bản nhất của mô hình này là các loại thị trường và các quy luật của kinh tế thị trường; các yếu tố về chính trị, kinh tế, văn hóa của chủ nghĩa xã hội tồn tại đan xen, tác động qua lại lẫn nhau cùng vận động, phát triển vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kinh tế thị trường có tác động mạnh mẽ, nhiều chiều lên mọi mặt đời sống xã hội. Một mặt, nó tạo thêm động lực cho phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế; mặt khác, nó cũng có những tác động không thuận chiều trong các hoạt động kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh. Vì vậy, xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp trong nền kinh tế thị trường là nhằm phát huy ưu thế, giảm thiểu mặt trái của cơ chế thị trường trong phát triển kinh tế – xã hội, củng cố sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước.

Thứ ba, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực chất của sự kết hợp này là trong xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội phải quan tâm đến nhiệm vụ tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh phải tạo môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển kinh tế – xã hội. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh nhằm giải quyết tối ưu mối quan hệ lợi ích kinh tế với lợi ích quốc phòng – an ninh cả trước mắt và lâu dài, trên phạm vi cả nước cũng như ở từng ngành, địa phương, vùng lãnh thổ.

- Sự kết hợp này phải được tiến hành trong các các chiến lược, các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội tầm vĩ mô; kết hợp trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo nguồn nhân lực cho nền kinh tế; kết hợp trong phát triển khoa học – công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành – vùng lãnh thổ; kết hợp trong các hoạt động đối ngoại và cả trong các hoạt động quân sự, quốc phòng, an ninh. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế là chủ trương đúng đắn, lâu dài của Đảng và Nhà nước ta. Thực hiện sự kết hợp này là nghĩa vụ, đồng thời, là quyền lợi của các thành phần, đơn vị kinh tế, các tổ chức chính trị – xã hội và của mọi công dân.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại mà trực tiếp hiện nay là Cách mạng 4.0 và toàn cầu hóa về kinh tế là hai tác nhân quan trọng nhất quyết định trình độ, tốc độ và con đường phát triển của tất cả quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hóa kinh tế đem lại lợi ích, thời cơ, thách thức không ngang bằng nhau cho các nền kinh tế nhưng là xu thế tất yếu và Việt Nam không thể đứng bên ngoài quá trình đó. Quan điểm, phương thức hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã được Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”¹⁰.

Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại sẽ tạo thêm những tiền đề, thời cơ và những thuận lợi mới cho tăng trưởng, phát triển kinh tế; tăng cường sức mạnh quân sự, quốc phòng, an ninh của đất nước. Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng giúp chúng ta tranh thủ được nhiều hơn các nguồn lực (vốn, khoa học – công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý...) từ nhiều đối tác. Dưới góc độ quân sự, quốc phòng – an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế với phương châm “Nội lực hóa ngoại lực, hiện đại hóa nội lực”. Một khi tiềm lực và sức mạnh kinh tế được chuyển hóa thành tiềm lực, sức mạnh quân sự vừa tạo sự răn đe, vừa tạo thế đan cài lợi ích, giảm thiểu nguy cơ xung đột vũ trang và chiến tranh.

Thứ năm, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước trong các hoạt động kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh.

Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là yếu tố quyết định nhất cho thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong thời kỳ xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sẽ bảo đảm cho đất nước ta nhanh chóng và thực sự hòa bình, ổn định, giàu mạnh, văn minh, phồn vinh và hạnh phúc. Để thực hiện được điều đó, trước hết phải tiếp tục xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

- Cần đổi mới mạnh mẽ, toàn diện nội dung, chương trình, phương thức giáo dục tri thức, năng lực hành động kinh tế; kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng trong bộ máy lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành và người dân. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng và Nhà nước có bản lĩnh, trí tuệ cùng phẩm chất đạo đức ngang tầm nhiệm vụ của một Đảng lãnh đạo – cầm quyền.

4. Kết luận

Nghiên cứu lý luận về bạo lực của Ph. Ăng-ghen giúp chúng ta có thêm cơ sở khoa học để quán triệt và thực hiện tốt hơn, nhanh hơn mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, kinh tế quân sự; tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Ở tầm vĩ mô, những quan điểm cơ bản của Ph. Ăng-ghen về mối quan hệ giữa kinh tế với quân đội, quân sự và chiến tranh là cơ sở lý luận để Đảng và Nhà nước xây dựng và không ngừng hoàn thiện đường lối, chính sách kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh; thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chú thích:

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. C. Mác và Ph. Ăng-ghen toàn tập (1994). *Tập 20*. H. NXB Chính trị quốc gia, tr.226, 235, 236, 241, 252, 253, 257, 258.

9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.158 – 159; 161 – 162.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2023). *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII)*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Nguyễn Phú Trọng (2023). *Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. *Vận dụng tư tưởng Ph.Ăngghen về bản chất giai cấp của quân đội trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh nhuệ về chính trị hiện nay*. <https://tapchiquptd.vn/vi/nhung-ngay-ky-niem-lon/van-dung-tu-tuong-phangghen-ve-ban-chat-giai-cap-cua-quan-doi-trong-xay-dung-quan-doi-nhan/21129.html>.
4. *Ph. Ăng-ghen bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác và những kinh nghiệm gợi mở trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ta hiện nay*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ph-angghen/nghien-cuu-hoc-tap-tu-tuong-ph-ang-ghen-bao-ve-phat-trien-chu-nghia-mac-va-nhung>.